

## THÔNG BÁO

### Về việc công bố và triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016, có xét đến 2035

Căn cứ Luật điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/02/2004 và Luật điện lực sửa đổi, bổ sung một số điều của luật điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến 2016 - 2025, có xét đến 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến 2016 - 2025, có xét đến 2035 - Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV;

Thực hiện Công văn số 1766/UBND-KTKT ngày 01/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Sở Công Thương thông báo đến các cơ quan, đơn vị có liên quan việc công bố và triển khai thực hiện “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến 2035” với nội dung như sau:

### **I. NỘI DUNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2016 - 2025, CÓ XÉT ĐẾN 2035 - QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐIỆN 110 KV**

#### **1. Định hướng phát triển**

##### **a) Định hướng chung**

- Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối phải gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng và của từng địa phương trong vùng, đảm bảo chất lượng điện và độ tin cậy cung cấp điện ngày càng được nâng cao.

- Phát triển lưới điện truyền tải phải đồng bộ với tiến độ đưa vào vận hành các nhà máy điện để đạt được hiệu quả đầu tư chung của hệ thống điện quốc gia và khu vực; phù hợp với chiến lược phát triển ngành điện, quy hoạch phát triển điện lực và các quy hoạch khác của vùng và các địa phương trong vùng.

- Phát triển lưới điện 220 kV và 110 kV, hoàn thiện mạng lưới điện khu vực nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện, giảm thiểu tổn thất điện năng.

- Xây dựng các đường dây truyền tải điện có dự phòng cho phát triển lâu dài trong tương lai, sử dụng cột nhiều mạch, nhiều cấp điện áp đi chung trên một hàng cột để giảm diện tích chiếm đất. Đối với các thành phố, các trung tâm phụ tải lớn, sơ đồ lưới điện phải có độ dự trữ và tính linh hoạt cao hơn; thực hiện việc hiện đại hóa và từng bước ngầm hóa lưới điện tại các thành phố, thị xã, hạn chế tác động xấu đến cảnh quan, môi trường.

- Đảm bảo truyền tải công suất các nhà máy điện gió vào hệ thống điện, nhằm khai thác hợp lý nguồn điện trong vùng và ổn định hệ thống điện khu vực.

#### **b). Mục tiêu**

Phát triển đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối trên địa bàn tỉnh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương với tốc độ tăng trưởng GRDP trong giai đoạn 2016-2020 là 11-12 %/năm, giai đoạn 2021-2025 là 11,5-12,5%/năm, giai đoạn 2026-2030 là 11-12 %/năm, giai đoạn 2031-2035 là 10-11 %/năm. Cụ thể như sau:

- Năm 2020: Công suất cực đại  $P_{max} = 214$  MW, điện thương phẩm 1.288 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 là 13,2 %/năm, trong đó: Công nghiệp - Xây dựng tăng 17,0 %/năm; Nông - Lâm - Thủy sản tăng 14,6 %/năm; Thương mại - Dịch vụ tăng 16,2 %/năm; Quản lý - Tiêu dùng dân cư tăng 10,6 %/năm; Hoạt động khác tăng 5,7 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 1.219 kWh/người/năm.

- Năm 2025: Công suất cực đại  $p_{max} = 362$  MW, điện thương phẩm 2.306 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025 là 12,4 %/năm, trong đó: Công nghiệp - Xây dựng tăng 16,0 %/năm; Nông - Lâm - Thủy sản tăng 12,5 %/năm; Thương mại - Dịch vụ tăng 17,3 %/năm; Quản lý - Tiêu dùng dân cư tăng 8,7 %/năm; Hoạt động khác tăng 6,6 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 2.162 kWh/người/năm.

- Năm 2030: Công suất cực đại  $p_{max} = 590$  MW, điện thương phẩm 3.883 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2026 - 2030 là 11,0 %/năm, trong đó: Công nghiệp - Xây dựng tăng 12,8 %/năm; Nông - Lâm - Thủy sản tăng 12,0 %/năm; Thương mại - Dịch vụ tăng 15,5 %/năm; Quản lý - Tiêu dùng dân cư tăng 8,2 %/năm; Hoạt động khác tăng 6,0 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 3.605 kWh/người/năm.

- Năm 2035: Công suất cực đại  $p_{\max} = 907$  MW, điện thương phẩm 6.262 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2031-2035 là 10,0 %/năm, trong đó: Công nghiệp - Xây dựng tăng 11,3 %/năm; Nông - Lâm - Thủy sản tăng 10,4 %/năm; Thương mại - Dịch vụ tăng 12,4 %/năm; Quản lý - Tiêu dùng dân cư tăng 7,8 %/năm; Hoạt động khác tăng 6,0 %/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 5.755 kWh/người/năm.

## II. Quy hoạch phát triển lưới điện

Quy mô, tiến độ xây dựng các hạng mục công trình đường dây và trạm biến áp theo các giai đoạn quy hoạch như sau:

### a) Lưới điện 220 kV

#### \* Giai đoạn 2016 - 2020

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 220/110 kV, công suất 125 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 01 trạm biến áp 220/110 kV với công suất 125 MVA.

+ Đường dây: Xây dựng mới 1 đường dây 220 kV 4 mạch, chiều dài 3 km.

#### \* Giai đoạn 2021-2025

+ Trạm biến áp: Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 01 trạm biến áp 220/110 kV với công suất 250 MVA.

#### \* Định hướng giai đoạn 2026-2030

+ Trạm biến áp: Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 02 trạm biến áp 220 kV với tổng công suất 500 MVA.

#### \* Định hướng giai đoạn 2031-2035

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 01 trạm biến áp 220/110 kV, công suất 250 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 01 trạm biến áp 220/110 kV công suất 250 MVA.

+ Đường dây: Xây dựng mới 01 đường dây 220 kV 4 mạch với tổng chiều dài 2 km.

### b) Lưới điện 110 kV

#### \* Giai đoạn 2016-2020

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 04 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 160 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 02 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 143 MVA; Xây dựng mới 7 trạm biến áp 110 kV các nhà máy điện gió và điện sinh khối với tổng công suất 405 MVA.

+ Đường dây: Xây dựng mới 12 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 151 km (trong đó có 5 đường dây 110 kV đấu nối các nhà máy điện gió và điện sinh khối với tổng chiều dài 55 km); Cải tạo, nâng khả năng tải 2 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 96,7 km.

#### \* Giai đoạn 2021-2025

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 3 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 143 MVA; Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 3 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 120 MVA.

+ Đường dây: Xây dựng mới 3 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 3 km.

\* Định hướng giai đoạn 2026-2030

+ Trạm biến áp: Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 6 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 332 MVA.

\* Định hướng giai đoạn 2031-2035

+ Trạm biến áp: Xây dựng mới 1 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 80 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 8 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 567 MVA.

+ Đường dây: Xây dựng 3 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 17 km.

c) Lưới điện trung áp giai đoạn 2016-2025

- Trạm biến áp

+ Xây dựng mới 1.832 trạm biến áp phân phối 22/0,4 kV với tổng dung lượng 371.675 kVA;

+ Cải tạo điện áp và nâng công suất 171 trạm biến áp với tổng dung lượng 20.510 kVA.

- Đường dây

+ Xây dựng mới 772 km đường dây 22 kV;

+ Cải tạo 1.202 km đường dây 22 kV;

d) Khối lượng lưới điện hạ áp giai đoạn 2016-2025

- Xây dựng mới 1.831 km, cải tạo 234 km đường dây hạ áp.

- Công tơ: lắp đặt mới 81.710 công tơ.

đ) Năng lượng tái tạo

Dự kiến đầu tư 6 dự án nhà máy điện gió (1, 2, 3, 4, 5, 6 với tổng công suất 270 MW), 1 nhà máy điện sinh khối công suất 25 MW và phương án đầu nối đồng bộ theo Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Trà Vinh giai đoạn đến 2020, có xét đến 2030 được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 13309/QĐ-BCT ngày 4 tháng 12 năm 2015 và Quy hoạch phát triển điện sinh khối vùng đồng bằng sông Cửu Long đến giai đoạn 2020, tầm nhìn đến 2030 được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 9486/QĐ-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2013.

g) Vốn đầu tư thực hiện quy hoạch

Giai đoạn 2016 - 2025 tổng vốn đầu tư xây mới, cải tạo các công trình lưới điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống đến lưới điện trung áp ước tính là 5.381 tỷ đồng. Trong đó:

- + Lưới 220 kV: 513 tỷ đồng;
- + Lưới 110kV: 1.661 tỷ đồng;
- + Lưới trung, hạ áp: 3.207 tỷ đồng.

## **II. NỘI DUNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2016 - 2025, CÓ XÉT ĐẾN 2035- QUY HOẠCH CHI TIẾT PHÁT TRIỂN LƯỚI ĐIỆN TRUNG VÀ HẠ ÁP SAU CÁC TRẠM 110 KV**

### **1. Quy hoạch phát triển lưới điện**

#### **1.1 Khối lượng xây dựng giai đoạn 2016-2025:**

##### **\* Giai đoạn 2016-2020**

##### **- Đường dây trung thế:**

+ Xây dựng mới 938,4 km (trong đó cáp ngầm 15,3km);

+ Cải tạo 1.242,8 km;

##### **- Trạm biến áp:**

+ Xây dựng mới trạm biến áp 22/0,4 kV với tổng dung lượng 144.800 kVA;

+ Cải tạo điện áp và nâng công suất trạm biến áp với tổng dung lượng 16.515 kVA.

##### **- Đường dây hạ thế :**

+ Xây dựng mới 1.969,5km;

+ Cải tạo 163,1km;

- Nhánh rẽ + điện kế: 33.069hộ

##### **\* Giai đoạn 2021-2025**

##### **- Đường dây trung thế:**

+ Xây dựng mới 306,7km (trong đó cáp ngầm 9,0km);

+ Cải tạo 263,1km;

##### **- Trạm biến áp:**

+ Xây dựng mới trạm biến áp 22/0,4 kV với tổng dung lượng 190.897 kVA;

+ Cải tạo điện áp và nâng công suất trạm biến áp với tổng dung lượng 3.995 kVA.

##### **- Đường dây hạ thế :**

+ Xây dựng mới 482,9km;

+ Cải tạo 75,1km;

- Nhánh rẽ + điện kế: 9.311 hộ

\* Giai đoạn 2026-2030

- Đường dây trung thế:

+ Xây dựng mới 184km (trong đó cáp ngầm 5,4km);

+ Cải tạo 157,8km;

- Trạm biến áp:

+ Xây dựng mới trạm biến áp 22/0,4 kV với tổng dung lượng 114.538 kVA;

+ Cải tạo điện áp và nâng công suất trạm biến áp với tổng dung lượng 4.995 kVA.

- Đường dây hạ thế :

+ Xây dựng mới 241,5km;

+ Cải tạo 52,5km;

- Nhánh rẽ + điện kế: 10.242 hộ

\* Giai đoạn 2031-2035

- Đường dây trung thế:

+ Xây dựng mới 123,6km (trong đó cáp ngầm 4,5km);

+ Cải tạo 105,2km;

- Trạm biến áp:

+ Xây dựng mới trạm biến áp 22/0,4 kV với tổng dung lượng 95.449 kVA;

+ Cải tạo điện áp và nâng công suất trạm biến áp với tổng dung lượng 8.257,5 kVA.

- Đường dây hạ thế :

+ Xây dựng mới 193,2km;

+ Cải tạo 45,0 km;

- Nhánh rẽ + điện kế: 11.173 hộ.

1.2. Vốn đầu tư thực hiện quy hoạch:

\* Giai đoạn 2016 – 2020: Tổng vốn đầu tư xây mới, cải tạo các công trình lưới điện trung và hạ thế là : **2.261.396,8 triệu đồng**. Trong đó:

+ Đường dây trung thế xây mới: 597.699,6 triệu đồng;

+ Đường dây trung thế cải tạo: 480.714,5 triệu đồng;

+ Trạm biến áp xây mới: 235.763 triệu đồng;

+ Trạm biến áp cải tạo: 30.430 triệu đồng;

+ Đường dây hạ thế xây mới: 787.788 triệu đồng;

+ Đường dây hạ thế cải tạo: 62.863,7 triệu đồng;  
+ Nhánh rẽ + điện kế: 66.138 triệu đồng

\* Giai đoạn 2021 – 2025: tổng vốn đầu tư xây mới, cải tạo các công trình lưới điện trung và hạ thế là : **865.246,1 triệu đồng**. Trong đó:

+ Đường dây trung thế xây mới: 206.602,4 triệu đồng;  
+ Đường dây trung thế cải tạo: 88.538,6 triệu đồng;  
+ Trạm biến áp xây mới: 315.554 triệu đồng;  
+ Trạm biến áp cải tạo: 10.739 triệu đồng;  
+ Đường dây hạ thế xây mới: 193.164,0 triệu đồng;  
+ Đường dây hạ thế cải tạo: 32.026,1 triệu đồng;  
+ Nhánh rẽ + điện kế: 18.622 triệu đồng

\* Giai đoạn 2026 – 2030: Tổng vốn đầu tư xây mới, cải tạo các công trình lưới điện trung và hạ thế là : **467.155,6 triệu đồng**. Trong đó:

+ Đường dây trung thế xây mới: 123.961,4 triệu đồng;  
+ Đường dây trung thế cải tạo: 53.123,1 triệu đồng;  
+ Trạm biến áp xây mới: 141.457,6 triệu đồng;  
+ Trạm biến áp cải tạo: 9.129,1 triệu đồng;  
+ Đường dây hạ thế xây mới: 96.582,0 triệu đồng;  
+ Đường dây hạ thế cải tạo: 22.418,2 triệu đồng;  
+ Nhánh rẽ + điện kế: 20.484,2 triệu đồng

\* Giai đoạn 2031 – 2035: tổng vốn đầu tư xây mới, cải tạo các công trình lưới điện trung và hạ thế là : **373.130,4 triệu đồng**. Trong đó:

+ Đường dây trung thế xây mới: 85.791,0 triệu đồng;  
+ Đường dây trung thế cải tạo: 35.415,4 triệu đồng;  
+ Trạm biến áp xây mới: 117.881,3 triệu đồng;  
+ Trạm biến áp cải tạo: 15.215,1 triệu đồng;  
+ Đường dây hạ thế xây mới: 77.265,6 triệu đồng;  
+ Đường dây hạ thế cải tạo: 19.215,6 triệu đồng;  
+ Nhánh rẽ + điện kế: 22.346,4 triệu đồng

## **2. Giải pháp thực hiện**

### **a). Giải pháp về vốn đầu tư**

- Lưới điện phân phối do Công ty Điện lực Trà Vinh đầu tư: Đối với những dự án xây dựng mới, cải tạo, mở rộng quy mô nhỏ có thể dùng vốn khấu hao,

sửa chữa lớn của ngành điện, còn những dự án lớn như cải tạo lưới điện thành phố, thị xã, huyện thì phải vay các tổ chức tài chính quốc tế như WB, ADB...

- Lưới điện phân phối cho khách hàng tự đầu tư như: Đường dây và trạm biến áp tại các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp hoặc cấp điện riêng cho các phụ tải công nghiệp, thương mại.

- Đối với lưới điện phân phối phục vụ phát triển hạ tầng kỹ thuật trong các khu đô thị, để đảm bảo tính đồng bộ trong việc phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị thì ngành điện phải thỏa thuận để huy động vốn từ các thành phần kinh tế khác.

- Đường dây hạ thế và công tơ: Do ngành điện đầu tư, đối với phần lưới điện hạ thế cấp điện cho khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa có thể xem xét hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn Ngân sách tỉnh. Còn đường dây dẫn điện sau công tơ do các hộ sử dụng điện tự đầu tư.

### **b). Giải pháp đầu tư**

- Sử dụng chủ yếu nguồn vốn của các doanh nghiệp hoạt động điện lực để đầu tư, đồng thời khai thác tối ưu mọi nguồn lực tham gia hoạt động đầu tư phát triển lưới điện nhằm phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế-xã hội với chất lượng ổn định, an toàn, hiệu quả và văn minh.

- Từng bước tăng khả năng huy động tài chính nội bộ trong các doanh nghiệp ngành điện.

- Thực hiện liên doanh trong và ngoài nước nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và trong nước tham gia xây dựng phát triển các dự án lưới điện.

- Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào phát triển các dự án lưới điện.

- Tăng cường thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài, bao gồm: vốn viện trợ phát triển chính thức ưu đãi, viện trợ phát triển chính thức không ưu đãi, vay thương mại với lãi suất thấp.

- Thực hiện Luật Điện lực và các quy định khác về đầu tư xây dựng công trình điện của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế tại tỉnh.

### **c). Giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm**

Để đảm bảo việc sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, trở thành hoạt động thường xuyên, tự giác đối với từng đối tượng sử dụng điện, hoàn thiện khung pháp lý trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng tại tỉnh Trà Vinh theo Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

## **III. HÌNH THỨC CÔNG BỐ QUY HOẠCH:**

- Trưng bày công khai bản vẽ quy hoạch tại Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh; UBND các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh.

- Phổ biến tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng.

Công bố trong cuộc Hội nghị do Sở Công Thương tổ chức ngày 30 tháng 9 năm 2016.



Sở Công Thương thông báo nội dung công bố và triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến 2035 đến các cơ quan, đơn vị liên quan để biết cùng thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: KHĐT, TC, XD, GTVT, TT&TT, TN-MT, NN&PTNT; BQLKKT;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam;
- Công ty Truyền tải điện 4;
- Công ty Điện lực Trà Vinh;
- Công ty Cổ phần phát triển điện nông thôn;
- Website Sở Công Thương;
- Lưu: VT,PKTAT&DN&MT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Thảo**